

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/02/2023

V/v: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính và ông Dương Đình Tài.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXX-ST, ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn 3 B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn D sinh năm 1989

Trú tại: Thôn 3 B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Đỗ Văn D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 18/01/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình chồng, cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng về cuộc sống và công việc, dẫn đến hay cãi vã lẫn nhau. Chị đã cố gắng mong anh thay đổi để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con cái có cả bố và mẹ. Anh D quá gia trưởng, về kinh tế luôn tự giữ tiền mình làm ra, không chăm lo tới gia đình và vợ con. Từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, đã ly thân từ năm 2020 đến nay, cuộc sống không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Bị đơn anh Đỗ Văn D trình bày: Anh và chị H kết hôn năm 2018, có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng phát sinh những mâu thuẫn. Bản thân chị H không lo nổi được mâm cơm khi nhà có khách, con ốm cũng không lo. Trước đây anh làm công chức ở ủy ban xã lương thấp thì kinh tế có khó khăn, sau này anh đi làm ở ngoài thì kinh tế cũng đỡ hơn. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh mong muốn Tòa án có thể hòa giải để gia đình đoàn tụ, cho con cả bố và mẹ. Anh không đồng ý để chị H nuôi con vì hoàn cảnh gia đình bố chị H bị ốm yếu, mẹ thì già. Còn chị H cương quyết ly hôn thì anh phải là người được nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Đỗ Minh Tr, sinh ngày 30/10/2018. Chị H và anh D đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Đỗ Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đỗ Minh Tr, sinh ngày 30/10/2018. Giao cháu Tr cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên, chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản: Chị H và anh D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Đỗ Văn D trú tại: Thôn 3 B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, việc chị H khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong

quá trình chung sống, giữa chị H và anh D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về cuộc sống và công việc, dẫn đến hay cãi vã lẫn nhau, tình cảm bị rạn nứt, không có H phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Chị H xin ly hôn, anh D không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Anh D cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đỗ Minh Tr, sinh ngày 30/10/2018. Chị H có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D cũng có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị H trình bày, chị là Hộ kinh doanh phòng vé C tại TDP Tân An, thị trấn Phong Sơn, huyện C, Thanh Hóa. Thu nhập trung bình từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ. Công việc của chị ổn định và có thời gian chăm sóc con hơn anh D vì anh làm nghề lái xe.

Anh D chạy xe dịch vụ thu nhập 20.000.000đ đến 27.000.000đ/tháng. Thu nhập hàng năm từ trồng mía từ 200.000.000đ đến 300.000.000đ.

Xét nguyện vọng nuôi con của anh và chị là chính đáng. Cháu Đỗ Minh Tr chưa đến 07 tuổi nên Tòa án không thể hỏi nguyện vọng của cháu xem muốn ở với ai. Cháu Tr sinh ngày 30/10/2018, tính đến thời điểm xét xử cháu Tr là 51 tháng tuổi.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ điều kiện, thu nhập của chị H và nhu cầu thiết yếu của con, giao cháu Tr cho chị Hanh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên là phù hợp hơn. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đỗ Minh Tr, sinh ngày 30/10/2018. Giao cháu Tr cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên, chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom và

chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản và nợ: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0010411, ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị H đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Ánh Tuyết

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

